

DU-GIÀ SỰ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOÀN

QUYỂN 4 (Bản Luận 9, 10)

BẢN LUẬN 9

Trong chín môn của nghiệp, “nghiệp môn thứ năm không nói quả Sĩ dụng”, là lia ba quả thì không có riêng tăng thêm tướng, cùng với trong quả Dị thực chỉ nói đối với Na-lạc-ca thọ quả Dị thực, Đối Pháp luận quyển 7 và kinh Nhân Quả ghi: “Đối với Bàn sinh, Ngạ quỷ và Na-lạc-ca thọ Dị thực”, là kinh luận kia căn cứ theo chỗ thọ nghiệp sát Dị thực của ba phẩm hạ trung thượng, luận này chỉ căn cứ theo thượng phẩm, chỉ nói Địa ngục. Lại nữa, luận này thì nêu ra một phẩm, luận kia thì nói đủ, cũng không tương ứng.

Trong quả Đăng lưu, từ “thọ lượng ngăn ngủi” trở xuống có mười câu, mười đường ác nghiệp như thứ tự phối hợp theo. Quả tương tự đối với nhân gọi là quả Đăng lưu. Thọ lượng ngăn ngủi, thật ra là quả Tăng thượng, giả gọi là Đăng lưu và Tà kiến Đăng lưu. “Si tăng ích”, Đối Pháp luận ghi: “Các Tà kiến là Si tăng thượng”. Thành nghiệp đạo chỉ có Tăng thượng.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao nghiệp đạo gọi là Tà kiến, chứng đắc quả thì gọi là Si tăng thượng ?

Đáp: Si tăng thượng bắt đầu Tà kiến, Tà kiến chắc là Si tăng thượng, Tà kiến chắc chắn là có Si, có Si thì chưa hẳn có Tà kiến, nghiệp đạo khởi thì Năng y nói là Tà mà không nói là Si, chứng đắc quả thì nói Sở y là Si, không nói đối với Tà kiến, cả hai môn đều lược nói khiến cho biết nghiệp đạo chỉ là Tà kiến, vì Si thông với độn hạnh, không xứng trong quả Tăng thượng của nghiệp đạo, đây là nương vào một vật để phân rõ mười quả, Đối Pháp luận thì nương vào nhiều Sự để phân rõ mười quả, cho nên cả hai đều bất đồng, nghĩa mỗi mỗi đều khác. Luận này có mười câu, cũng nương vào nghiệp đạo theo thứ tự mà phối hợp riêng.

“Bất tiện nghi”, là không thuận với nhân tâm.

Trong tám Dục giải phân làm bốn loại:

1. Đối với duyên Thân tài.
2. Đối với duyên Bi điền.
3. Đối với duyên Kính điền.
4. Đối với duyên Ân điền.

Trong năm nghiệp Vô gián, quyển 60 ghi: “Một thuộc Hư cưỡng ngữ, là phá Tăng, bốn thuộc thân nghiệp, trong đó có ba nghiệp thuộc Sát sinh, và một thuộc Sát sinh Gia hạnh, là làm thân Phật ra máu, tùy chỗ thích ứng thì lấy thân nghiệp và ngữ nghiệp làm Tự tánh”.

1. Phá Tăng, tức là lấy chỗ phá thân của Tăng, Bất hoà hợp trong Bất tương ứng làm Tánh. Vô phú Vô ký nương vào Dị thực Thức, vì đối với pháp luân... không hoà hợp. “Thể năng phá”, là Hư cưỡng ngữ, từ quả đặt tên gọi là Phá tăng.

2. Tỳ-kheo, là không phải trong thế tục.

3. Kiến hạnh, là Phi ái hạnh.

4. Tịnh hạnh, là Phi phạm giới, lời nói không uy kính.

5. Phá Dị xứ, là không phải trước Phật, vì chư Như Lai khó coi nhẹ và bức bách.

6. Phá ngu phu, vì không phải bậc Thánh.

7. Khi nhẫn chịu Thánh đạo của sư khác, cho rằng năm pháp là Đạo, tám Chánh là Phi đạo.

8. Chắc hẳn không trải qua nghiệp đời trước mà phá pháp luân Tăng, có thể chứng Thánh đạo luân, vì phá sự hoà hợp của Tăng.

9. Phá pháp luân, chỉ có châu này có Phật; phá Yết-ma, thông với ba châu, vì có giáo pháp.

10. Phá pháp luân, ít nhất là chín người, Sở phá phân hai Bộ, Năng phá làm một Bộ. Phá Yết-ma ít nhất là tám người, vì phân hai Đế, cho nên nhiều cũng không ngăn ngại.

11. Có sáu vị:

1. Mới thành đạo.

2. Sắp nhập Niết-bàn.

3. Thấy lỗi của giới khi chưa khởi.

4. Khi chưa lập một đôi Chỉ quán thứ nhất.

5. Sau khi Phật diệt độ.

6. Khi chưa kiết giới.

Trong sáu vị này không có phá pháp luân, trừ các vị này ra, những thời khác mới có thể phá Tăng. Bài tụng của Câu-xá luận ghi:

*Tất cả bốn vị trước,
Phật diệt và chửa kiết,
Trong sáu vị như vậy,
Không phá pháp luân Tăng.*

Đây là Hóa độ có sự này, Báo độ hoặc có Phật Di-đà, Điều Đạt gọi là Tịch, hoặc báo Phật không có hóa A-di-đà, có sư Tát-bà-đa, cho Phật có túc nghiệp oán đối cho nên nói có, Đại thừa chỉ có thị hiện. Trong ngũ nghịch, hại cha, hại mẹ, hại ân điền, còn lại ba thứ đều là hoại phước điền, do đây mà thành tội nghịch, vì thông với ba Thừa. Ngũ nghịch mà trong kinh Tát-giá-ni-kiên-tử nói không đồng với luận này, chỉ có Đại thừa mới có đối với căn cơ riêng biệt, cũng không trái nhau. Trong ngũ nghịch này, phá Tăng là rất nặng, vì hoại công đức Pháp thân, chướng đạo giải thoát của trời, người. Nhập Thánh, chứng đắc quả, lia nhiễm, dứt lậu đều sẽ bị ngăn cản, cho đến không chuyển Đại thiên pháp luân, thân tâm của trời, người, rồng... bị loạn, quyết định chiêu cảm tất cả tội lớn Vô gián; kế đó là làm thân Phật ra máu; kế đó là sát hại A-la-hán; kế đó là mẹ; kế đó là cha, những tội nghịch sau nhe dần, các nghĩa môn khác đều như Câu-xá luận quyển 18 nói.

“Nghịệp Vô gián đồng phạm”, là tội đồng loại trong nghịệp Vô gián, là làm ô uế A-la-hán Ni và mẹ, đó là loại hại mẹ. Đánh thân sau cùng của Bồ-tát là loại giết cha. Hoặc đối với miếu thờ chư Thiên... mà hành sát hại, hoặc đối với giao phó việc nặng bị tổn hại, hoặc đối với sự gánh vác khốn khổ, hoặc đã bố thí Vô úy rồi mà trở lại hại bức não, đó là loại sát hại A-la-hán. Cướp đoạt Tăng môn, đó là loại phá Tăng. Phá hoại linh miếu... đó là loại làm thân Phật ra máu. Hoặc tổng loại nhiếp, không cần phối hợp riêng. Câu-xá luận cùng với luận này không đồng. Câu-xá ghi: “Nhiễm mẹ Ni Vô học, giết Bồ-tát Trụ định, và bậc Thánh hữu học, đoạt duyên hòa hợp Tăng, phá hoại Tốt-đổ-ba, là đồng loại Vô gián”. Từ tu tướng diệp nghịệp gọi là Trụ định Bồ-tát, Bồ-tát kia có thể bị sát hại, luận này không có sự đó, vì thân tối hậu của Bồ-tát quyết định không bị người sát hại, cho nên luận này nói là đánh. Sát hại Thánh hữu học tuy là Nghịch lưu, kể không hết, nhưng trong đây loại giết A-la-hán, thuộc nghĩa thứ hai trong ba nghĩa nhiếp, vì thuộc về loại Kỳ cựu.

“Tăng môn” là nhân theo các chỗ hữu sự của Tăng, như biết vật của người khác và Tăng vật, tự lấy về làm của mình.

“Linh miếu” là điện, đền. “Tốt-đổ-ba”, Hán dịch là Cao hiển, Phù-đồ... mỗi mỗi nêu ra một tên, đều là Phật sự. Đối Pháp luận ghi:

“Năm nghiệp Vô gián... là Thuận sinh thọ nghiệp”.

Hỏi: Tại sao trong đây gọi là quả Hiện pháp?

Đáp: Vì trong đây căn cứ theo hành tội nghịch, hiện bị sát hại... cho nên gọi là thọ Hiện pháp. Tội nghịch kia y theo thứ tự mà sinh đoạ Vô gián... gọi là thọ Thuận sinh, cũng không trái nhau.

Hỏi: Thuận hiện thọ nghiệp không chiêu cảm Tổng quả, lẽ nào năm nghiệp Vô gián lại thọ Biệt quả hay sao ?

Đáp: Do nghiệp gia hạnh mà thọ Biệt quả hiện tại, do nghiệp Căn bản mà thọ Tổng quả tương lai, không phải do một nghiệp hiện tại rồi sau đó cùng thọ. Từ quả thứ nhất mà đặt tên gọi là Thọ hiện pháp, thì Ngũ Vô gián không chiêu cảm Tổng quả, tức là do nghĩa này. Đối Pháp luận ghi: “Người tạo nhiều nghiệp Vô gián, thì chỗ chiêu cảm dụng cụ hành khổ có nhiều bén nhọn, nhanh chóng thọ nhiều khổ”. Ha Oán Tâm kinh ghi: “Do nghiệp Vô gián trong Na-lạc-ca, niệm niệm sinh tử thọ đại khổ Dị thực”. Các kinh Bát-nhã, Pháp Hoa... cũng ghi: “Do hủy báng kinh, từ một Địa ngục sinh một Địa ngục, từ quả thứ nhất đặt tên, đều là Thọ thuận sinh”. Luận này cũng vậy.

Hỏi: Sát hại Độc giác, tại sao không phải là tội Nghịch ?

Đáp: Vì ít cho nên không nói, tức là thuộc loại A-la-hán.

“Người do cúng dường, Từ định... mà chứng đắc Hiện quả”, là nương vào Sơ xuất vị (địa vị mới ra khỏi) Các vị như Sơ xuất từ định, Vô tránh, Diệt định, Dự lưu A-la-hán quả cũng vậy, không phải sau khi đã ra khỏi lâu. Không nói Độc giác, vì ít cho nên lược bỏ, thật ra cũng chứng đắc quả Nhất lai và quả Bất hoàn, không phải mới chứng đắc Thánh cho nên không nói.

Hỏi: Tại sao chỉ nói Từ định, mà không nói Bi định, Hỷ định, Xả định... ?

Đáp: Vì Hỷ và Xả thì yếu kém, Bi thì thông với tán loạn, đối với Thế gian lạc và Xuất thế gian lạc, thì Từ... là thù thắng. Vô tránh... cũng vậy, bên trong chứng Chân vô tránh, bên ngoài chắc chắn dứt các phiền não, Thắng nguyện trí... cho nên ngoài Từ định ra, không nói các Định khác.

“Đối với nơi chỗ của Tăng hữu học và Vô học”, Đối Pháp luận ghi: “Phật làm Thượng thủ tăng, là tất cả Tăng đối trước Phật, hoặc đệ tử Phạm tăng, Thánh tăng, Học tăng, Vô học tăng mà gọi Phật là Thượng thủ tăng, cho nên trong luận này nói Tăng, không phải người nào khác.

“Đối với nơi chỗ của Học tăng và Vô học tăng”, Đối Pháp luận

ghi: “Phật làm Thượng thủ tăng, là các chỗ có Tăng đối trước Phật, hoặc đệ tử Phạm tăng, Thánh tăng, Học tăng, Vô học tăng mà gọi là Phật là Thượng thủ tăng, cho nên trong luận này nói Tăng, không phải người nào khác.

Trong “cùng với quả Tăng thượng... của người khác, là cũng do thọ Hiện pháp quả nghiệp”, là không chỉ do nghiệp của người khác, mà cũng do Hiện nghiệp của tự mình, là nói trụ xứ của Phật khiến cho sinh an lạc, chúng sinh thấy Phật phát tâm cúng dường làm nghiệp, Phật khiến cho không Khổ mà được trụ an lạc, vì là lực ở đời, nhiếp các chúng sinh khác đều được an lạc. Luân vương khuyến hóa hành mười Thiện nghiệp, chúng sinh tùy theo hành mà đắc an lạc cũng vậy. Bồ-tát Từ Định vận tâm ban cho ưa thích cúng dường được an cũng lại như vậy, do nghiệp của người khác tăng thượng, mà Hiện nghiệp của tự mình thành thực liền chứng đắc Hiện quả.

“nghiệp chư Thiên”, tức là phần nhiều người đời cho rằng thiện ác do Thiên, vì ban đầu là do chư Thiên khởi bi, sau đó khởi từ tâm mà ban cho an lạc, cho nên chỉ nói Từ định.

“môn tổn ích có tám thứ”, bảy môn đầu tức là thân có ba, ngũ có bốn, như thứ tự mà phối hợp. “môn thứ tám là hợp chung là ba nghiệp đạo của Ý.

“Trợ bạn”, là bạn bè thân cận.

Nghiệp thứ sáu, Tăng thượng có hai loại: 1. Lợi tướng. 2. Căn tướng.

- Thứ ba trong Tự tánh:

1. Ngũ có bốn giả lượng.
2. Thân có ba nghiệp đạo.
3. Ý có ba nghiệp đạo, từ nhẹ đến nặng.

Tổng là xem xét ba nghiệp, biệt là suy lường mười nghiệp, trong nghiệp đạo thì trước là Sắc sau là Tâm, trong Sắc thì trước là nặng sau là nhẹ, các Sắc nghiệp đạo đều trước nặng sau nhẹ. Trong Ý nghiệp đạo, trước nhẹ sau nặng, tạo tác các pháp không đồng, cũng không có lỗi. Nhưng ba Phật nghiệp thì Ý nghiệp là rất nặng.

Trong Thiên kiến thứ năm, thì Tà kiến là nặng, năm Vô gián thì phá Tăng là nặng, vì chỗ mong khác nhau. Luận này thuyết minh nghiệp không mong Vô gián, cho nên Ngũ nghiệp là nhẹ, lý cũng không có lỗi.

Trong nghiệp Điên đảo thứ bảy, “sát sinh tội tương tự đồng phạm”, là Gia hạnh đạo nghiệp tự Căn bản. Điều này có hai ví dụ:

1. Sát hữu tình.
2. Sát Phi tình.

“Đều là đối với Phi tình mà khởi làm khởi tướng, cho nên không có tội Căn bản chấp thọ điên đảo, chỉ nói cho đến Ý ngữ, không nói ba nghiệp đạo của Ý”, là Thân và Ngữ có bảy chi thông với giới tánh, vì chung Sở tri, Sắc thì dễ chấp. Trên thuyết minh không có tội, cũng không có thí cho, thọ trai, tu phước trở xuống, vì không có phước điền, khởi Tà kiến, cho nên lấy làm chấp này.

- Trong nghiệp Sai biệt thứ tám có hai thứ:

1. Nêu ra tên nghiệp của bốn vị trước.
2. tùy chỗ nêu mà giải thích.

- Nêu vị có bốn thứ:

1. Có năm loại làm hai môn.
2. Có mười loại làm ba môn.
3. Có một loại làm bốn môn.
4. Có một loại làm năm môn.

“Tác nghiệp”, nghĩa là Thân nghiệp và Ngữ nghiệp do Tư hoặc Tư dĩ khởi. “Không tác nghiệp”, là cho đến Thân nghiệp, Ngữ nghiệp thẩm sát quyết định hai Tư gọi là Ý nghiệp, động phát khởi Thắng tư gọi là chỗ đã khởi Thân nghiệp Ngữ nghiệp của Tư. Hoặc động phát Thắng tư gọi là Tư nghiệp, chỗ khởi Thân nghiệp Ngữ nghiệp của Tư này, gọi là Tư dĩ khởi Thân Ngữ nghiệp. Giải thích này đồng với Đối Pháp luận. Luận kia ghi: “Tư nghiệp, là phước, Phi phước và Bất động nghiệp. Tư dĩ nghiệp là Thân, Ngữ và Ý nghiệp”. Tác nghiệp này thông với nghiệp đạo Gia hạnh, Căn bản, Biểu nghiệp và Vô biểu nghiệp chưa diệt chưa xả gọi là Tác nghiệp, tức là Chủng tử của hai nghiệp. Gia hạnh, Căn bản, Biểu, Vô biểu nghiệp chưa diệt chưa xả gọi là Bất tác nghiệp, vì không thành tựu, không có tác dụng thù thắng. Luận này có đủ các Pháp sư giải thích. Sư Cảnh nói: “Chỗ tùy ý sinh, không phải thuộc nghiệp đạo. Các nghiệp thiện nghiệp ác và Vô ký, gọi là Bất tác nghiệp. Nếu nghiệp đạo Căn bản Gia hạnh là chỗ sinh các nghiệp thiện nghiệp ác, thì gọi là Tác nghiệp”. Luận này giải thích: “Gia hạnh Căn bản và các Biểu nghiệp, gọi là Tác nghiệp, vì có khởi tạo tác, các Vô biểu nghiệp gọi là Bất tác nghiệp, vì không có dấy khởi tạo tác”. Luận này thông với Biểu nghiệp và Vô biểu nghiệp của ba Thừa cho nên không nói Ý nghiệp.

Trong nghiệp Tăng trưởng và Bất tăng trưởng, “tám Tự tánh Vô ký nghiệp”, là thiện và bất thiện, thuộc Phi nghiệp đạo. Tánh của Trung

phẩm và Hạ phẩm không phải tánh Vô ký trong ba tánh. Tự thể bất tăng gọi là Vô ký, hoặc là nghiệp Vô ký trong ba tánh.

“Nghiệp sở tổn của chín Hối”, quyển 89 ghi: “Đối với nghiệp tạo tác không tăng trưởng, nếu không có Hối thì không có tu đối trị có thể phải thọ quả, gọi là nghiệp Tăng trưởng, nếu hối hận ăn năn thì gọi là không Tăng trưởng. Hoặc nghiệp Tăng trưởng trước kia do hối hận ăn năn, nếu như khi chưa sinh oán thì gọi là không Tăng trưởng, không hối hận ăn năn thì gọi là nghiệp Tăng trưởng”. Quyển 60 ghi: “Y theo người chưa giải thoát mà kiến lập Định thọ nghiệp, cho nên người giải thoát là khởi Đạo, Phục và Đoạn”. Đối Pháp luận ghi: “Có năm thứ do đó mà Tư tạo nghiệp:

1. Chỗ dạy bảo của người khác.
2. Chỗ khuyến thỉnh của người.
3. Không có Sở liễu tri.
4. Căn bản chấp trước, là ba độc che tâm, mạnh nhanh chấp trước, là chỗ khởi các nghiệp.
5. Diên đảo phân biệt, là chỗ hành ác nghiệp không có tội thù thắng.

Trong năm thứ này, Căn bản chấp trước và Diên đảo phân biệt, hoặc Tác hoặc Tăng trưởng, không phải không thọ Dị thực, vì nghiệp nặng, còn lại ba nghiệp kia tuy tạo tác mà không tăng trưởng thì không phải thọ Dị thực, vì nghiệp nhẹ”. Luận đó giải thích: “Tác, là khởi tạo các nghiệp khiến cho nó hiện hành. Tăng trưởng, là khiến cho Tập khí tăng thêm”. Luận đó nói Cố tư nghiệp (nghiệp tư duy cũ) chỉ có năm loại, trong luận này nói chung Cố tư và Bất tư, cho nên luận này có mười loại. Loại thứ hai trong luận này tức là thứ ba của luận kia, loại thứ bảy của luận này tức là thứ hai của luận kia, cũng không trái nhau. Hai loại sau của luận kia thuộc nghiệp Tăng trưởng, cho nên không thuộc mười loại.

“Tư nghiệp cũ”, là Tư đã xưa cũ rồi. “Hoặc Tác nghiệp, hoặc Tăng trưởng...”, trong đây tạo tác xưa cũ hoặc Tăng trưởng gọi là Tư nghiệp xưa không phải tạo tác xưa cũ. Hoặc Tăng trưởng thì gọi là Tư nghiệp không xưa cũ. Đối Pháp luận thuyết minh Tư nghiệp và Tư dĩ nghiệp, loại Tư nghiệp là phước, Phi phước và Bất động nghiệp; loại Tư dĩ nghiệp là thân ngữ ý nghiệp, đồng với luận này. Lại nữa, luận kia nói Tư nghiệp có năm loại, như thứ tự nói ở trước, cùng với luận này trái nhau, vì thông với Tăng trưởng và Bất tăng trưởng cho nên luận này dựa vào Tư mạnh thù thắng sẽ quyết định chiêu cảm Dị thực, cho nên gọi

là Tư nghiệp. Luận kia dựa vào chỉ là Sở tác của Tư xưa cũ, không phải là nghiệp tùy ý, thông với quả đang chứng đắc và quả không đang đắc, đều gọi là Tư nghiệp xưa cũ, vì chỗ mong cầu khác nhau, cũng không trái nhau.

“Thuận định thọ nghiệp và Bất định thọ nghiệp”, tức là Tư nghiệp xưa cũ ở trước, sẽ quyết định chiêu cảm Dị thực. Tư nghiệp không xưa cũ ở trước, sẽ không quyết định chiêu cảm Dị thực. Đối Pháp luận ghi: “Quyết định thọ nghiệp”, là quyết định có ba loại:

1. Tác nghiệp định, do sức tác nghiệp chiêu cảm thân quyết định, trong đời này thì phải tạo nghiệp này, thời hạn quyết định không xa lắm, thần lực của Phật cũng không thể ngăn được.

2. Thọ Dị thực định, tức là Thọ thuận định của luận này, nghiệp quả quyết định sẽ thọ, vì ngay lúc đó chưa định.

3. Phần vị định, là Thuận hiện thọ, Sinh thọ, Hậu thọ và Phần vị định nghiệp.

Trong đây muốn nói, nếu nghiệp đạo nhiếp nghiệp thì gọi là Thuận định thọ, sau Gia hạnh mà khởi, thông với Định và Bất định, nếu chưa Hối chưa giải thoát thì gọi là Định nghiệp, đã Hối đã giải thoát thì gọi là Bất định nghiệp.

“Nghiệp Dị thực và nghiệp Vị thực”, là quá khứ và hiện tại đang sinh quả nghiệp, gọi là nghiệp Dị thực; vị lai và hiện tại đang sinh quả nghiệp gọi là nghiệp Vị thực. Trên nói về năm loại có hai môn đã xong.

Trong nghiệp của ba tánh, nghiệp Hữu phú vô ký cũng gọi là Vô ký nghiệp, vì không phải ba thiện căn và bất thiện căn làm nhân duyên.

“Nghiệp do luật nghi nhiếp”, là Biệt giải thoát luật nghi. Đối Pháp luận nói, tức là chỗ thọ luật nghi của bảy chúng, năm chúng xuất gia, Cận sự và Cận trụ. “Do xuất gia”, là thọ mạng hết mà xa lìa ác hạnh và dục hạnh. “Do cận sự”, là thọ mạng hết mà lìa ác hạnh, không lìa dục hạnh. “Do cận trụ” là không thể hết thọ mạng mà lìa ác hạnh dục hạnh, cho nên Biệt giải thoát kiến lập ba loại.

“Nghiệp sở nhiếp của Tịnh lự, Đẳng chí, Quả, Đoạn, Luật nghi” nghĩa là, Tịnh lự là bốn Tịnh lự của cõi Sắc. Đẳng chí, là bốn cõi Vô sắc. Quả là nương vào chỗ tu sinh công đức của Tịnh lự Vô sắc. Đoạn là Tịnh lự Vô sắc tương ưng với Tư hiện tại, để phòng xa các Đoạn giới của phạm, phi phạm giới trong cõi Dục. Quả tức là Đoạn giới, là Đoạn của quả. Thể tức là Định sinh luật nghi, ba Thừa thì thông với thân ngữ,

Đại thừa gồm luôn ý nghiệp. Có thuyết giải thích Đoạn tức là tánh giới Vô vi, Quả là Định sinh luật nghi. Luận này giải thích nghiệp, đã nói là Quả đoạn, không nói là Đoạn quả, thì Đoạn không phải Vô vi, như trước đã nói nghiệp hoặc quả cùng với Đoạn, cả hai đồng thời với giới thể. Cho nên nắm lấy song song, chỉ có Sơ vị chí có Đoạn đối trị, trong các Địa trên thành những phần đoạn xa, đây là dựa vào nghĩa Hữu lậu định sinh giới. Quyết Trạch phần nói cõi Sắc có, đây là thông với Vô sắc cũng có. Đối Pháp thì chỉ dựa vào cõi Sắc mà kiến lập. Luận kia phải tự hiểu rằng do cõi Vô sắc không có thô sắc cho nên không kiến lập.

“Nghiệp do Vô lậu luật nghi nhiếp”, là bậc Kiến đế, tánh viên ly do sức Vô lậu chứng đắc, tức là Đạo cộng giới, như trong phần Biểu và Vô biểu nói rộng.

Trong Bất luật nghi, “giềm pha châm chích”, là chỉ có hạnh sàm nịnh, châm chích người khác, để cầu nuôi mạng, là loại bất lương, là bọn đoạ nạt. “Đoán ngục”, là ở Tây vực lập riêng hạng người Đoán ngục, để cầu tài nuôi mạng. Luận này có mười hai loại, Đối Pháp luận có mười bốn loại, ba loại luận này không có là:

1. Săn nai.
2. Bắt cá.
3. Giết trâu.

Luận này không có một loại Đoán ngục. Trong kinh Niết-bàn nói có mười sáu loại. Trâu, dê, heo, gà, vì lợi mà nuôi cho mập rồi bán, vì lợi cho nên mua, mua rồi giết mổ, tức là tám thứ:

1. Bắt cá.
2. Bắt chim.
3. Thợ săn.
4. Trộm cướp.
5. Làm đầu đảng.
6. Lừa gạt.
7. Lính ngục.
8. Chú thuật bắt rồng.

Lại là tám thứ cho nên không có đoán ngục và bắt voi. Trong Tạp Tâm nói có mười hai thứ:

1. Mổ dê.
2. Nuôi heo.
3. Nuôi gà.
4. Bắt cá.
5. Bắt chim.

6. Thợ săn.
7. Làm giặc.
8. Làm đầu đảng.
9. Giữ ngục.
10. Chú thuật bắt rồng.
11. Rình bẫy.
12. Giết chó.

Các văn không đồng, chỉ nói rộng ý nghiệp tổn hại, vì tự nuôi mạng mà làm nghiệp này, đều là Bất luật nghi. Lược nêu đầu mối như thế, không phải chỉ có như vậy. Nếu không như thế thì chuyên giết ngựa, lừa... lẽ nào không phải Bất luật nghi kia. Kể đủ, kể nhiều hay ít, do nhân duyên bỏ bớt, cũng như Biệt chương nói.

Trong Xứ, nghiệp có Biểu và Vô biểu, Phật thành và không thành, đều như Biệt chương nói.

“Tự tánh của thí” là chỗ khởi của Tư, có thể xả vật bố thí. “Thân nghiệp và ngữ nghiệp”, Đối Pháp luận và Duy Thức đều lấy ba nghiệp, cùng với Tư và Vô tham làm tánh. Luận này thì lấy Vô tham làm nhân duyên, vì Tư thì nói trong môn Đẳng Khởi, cho nên trong tự tánh lấy thân nghiệp và ngữ nghiệp. Căn cứ theo Biểu Ngoại Chương và Tam Thừa Thông luận, cho nên chỉ có thân ngữ nghiệp mà không nói ý nghiệp.

Trong “tự tánh của giới”, lấy ba nghiệp làm tánh, cho nên nói thân ngữ nghiệp... Như Duy Thức ghi: “Thọ Bồ-tát giới cho nên thông với ba nghiệp”.

“Y xứ thông với Tình và Phi tình”, là Tánh giới và Giá giới, tùy chỗ thích ứng của nó, nương thông cả hai.

“Tự tánh của tu tánh là Tam-ma-địa”, nghĩa là bốn Vô lượng tâm của nó, Thể của Từ không có sân, Thể của Bi không có hại, Thể của Hỷ không có tật đố, Xả tức là ba thiện căn, khéo xả niệm. Hiện tại là từ Sở y cho nên lấy Định làm Thể, như Vô Cấu sơ quyển 2 giải thích.

“Y xứ”, tức là ba cõi mà hữu tình sở duyên, tổng phân làm ba loại:

1. Không có Khổ, không có Lạc, mà ban cho Lạc gọi là Từ.
2. Có Khổ mà cứu tế gọi là Bi.
3. Có Lạc mà trợ Hỷ, gọi là Hỷ.

Đối với loại thứ nhất khởi lìa Si tưởng, đối với thứ hai khởi lìa Sân tưởng, đối với loại thứ ba khởi lìa Tham tưởng, bình đẳng khiến cho lìa á gọi là Xả. Đây là nêu ra Cảnh... của Từ để lấy ba cảnh còn lại, mỗi

Cảnh này có ba thứ, như các văn khác nói.

“Phước nghiệp thì chiêu cảm Dị thực cói thiện...”, nghĩa là phước nghiệp đối với trời người thọ cùng Dị thực. “Và Thuận ngũ thú thọ” là Tứ thú thọ riêng Dị thực, riêng trong Địa ngục thọ Đẳng lưu quả tương tự quả báo riêng, nhưng gọi chung là “thuận ngũ” thì có nghĩa không đúng. Thành Duy Thức ghi: “Chỗ khác nói ở đó có Đẳng lưu Lạc”, phải biết là luận kia nương vào lý tùy chuyển mà nói, cho nên trong Đại thừa thì ở đó không có thiện quả. Do thiện quả mà thọ Khổ nhẹ, gọi là chứng đắc quả, lại không có quả báo riêng, không đồng với Địa ngục và bốn Trần của Tiểu thừa thừa nhận là thiện nghiệp chiêu cảm. Lại giải thích, luận này theo số mà nói chung thì có năm, nói riêng thì chỉ có bốn thú. Lại giải thích là Phi thiên là một, hợp lại thành sáu nẻo, cho nên nói thiện nghiệp thuận với năm nẻo thì có, Địa ngục thì thật sự là không có.

Trong đoạn “thuận bất khổ bất lạc thọ nghiệp”, nghiệp của Biệt báo chỉ có Tĩnh lự thứ tư trở lên, ở đây có hai nghĩa:

1. Từ ba Định trở xuống có Biệt báo thọ quả. Luận này và Đối Pháp luận không nói có nghiệp. Căn cứ theo đa phần thiện nghiệp chiêu cảm Lạc thọ quả, thiếu phần thiện nghiệp thì chiêu cảm Xả thọ quả, cho nên lược bỏ không luận. Nếu không như thế thì tại sao thiện nghiệp của Địa côi dưới không chứng đắc quả kia?

2. Tam định trở xuống không có riêng Thiện xả nghiệp. Xả quả Tĩnh lự trong Thức thứ sáu, vì nghiệp của các Địa côi dưới thô, thiện chỉ chiêu cảm Lạc, cho nên không có Xả quả.

Hỏi: Thiện nghiệp của các Địa côi dưới thô, không chiêu cảm Xả quả, thì nghiệp các Địa côi dưới của Xả quả thứ tám chiêu cảm hay không?

Đáp: Vì tổng và biệt khác nhau cho nên không nên làm thí dụ.

Trong “Thuận hiện pháp thọ nghiệp”, luận này và Đối Pháp luận đều nói có ba thứ, từ nghiệp thứ nhất đặt tên, Hiện nghiệp chỉ có Biệt báo, các nghiệp khác đều thông với tổng và biệt. Đoạn trước đã nói có hai nghiệp là Định và Bất định, quyển 60 nói có bốn nghiệp:

1. Dị thực định.
2. Thời phân định.
3. Nhị câu định.
4. Nhị câu bất định.

- Hiền Dương luận quyển 19 ghi: có năm nghiệp:

1. Hiện pháp thọ quyết định.

2. Sinh thọ quyết định.
3. Hậu thọ quyết định.
4. Thọ báo quyết định.
5. Tác nghiệp quyết định.

Không dựa vào Thời, mà chỉ luận về Báo, cho nên chỉ có hai nghiệp là Hữu định và Bất định. Nếu luận về Thời và Báo hợp chung lại nói, thì nghiệp chỉ có ba thứ, không ngoài các nghiệp này. Thời và Báo tương đối hợp lìa cho nên có bốn thứ, không nói Biệt thời, vì nói Tổng thời. Chỉ nương vào Thời, Quả và Tác nghiệp định nói có năm thứ, vì trừ Bất định ra, vẫn tuy có khác nhau, nhưng nghĩa lý thì không trái nhau, vì chỗ mong cầu sai biệt.

“Học nghiệp hoặc là Dị sinh...”, là các Dị sinh phát tâm Tam thừa giải thoát phần thiện về sau đều gọi là Học. Học nghiệp thông với Hữu lậu và Vô lậu. Vô học cũng vậy. “Phi học, Phi bất học”, là tất cả các nghiệp của các Dị sinh vị trước khi chưa phát tâm. Trong quyển 66 chỉ ghi: “Chỉ có bậc Thánh lấy làm Hữu học, vì đã chứng Thắng đắc. Đây là căn cứ theo Sở y hợp chung lại mà luận. “Học”, là Sinh đắc thiện... cũng gọi là Học, nếu không như thế thì không phải, vì không thuận với luận kia.

Trong “Nghiệp của Kiến sở đoạn” chỉ nói bất thiện nghiệp nẻo ác là Kiến sở đoạn, đây là căn cứ theo Dẫn nghiệp, nếu gồm Mãn nghiệp thì thông với năm nẻo, cho nên luận nói “vân vân”. Quyển 53 ghi: “Đến hạnh nẻo ác, chỉ có Phân biệt khởi thì Phiền não mới có thể khởi”. “Dẫn nghiệp và Mãn nghiệp trong ba nẻo ác”, là Phân biệt khởi cho nên luận này nói thiên về nó.

Trong Phi nhân, chiêu cảm ác nghiệp riêng, không phải Kiến đạo đoạn, cũng không phải Câu sinh không chiêu cảm nẻo ác. Vô tướng định... tuy cũng là Kiến đoạn, nhưng không phải lìa Phước đoạn, cho nên trong luận này không nói, hoặc Đẳng cso nghĩa là gồm chung, như Duy Thức luận sơ quyển 8, Đối Pháp luận quyển 4... giải thích. Trên thuyết minh mười loại ba môn của nghiệp đã xong.

Trong bốn nghiệp Hắc hắc, thì Phi phước nghiệp gọi là Hắc hắc, là tổng nghiệp của ba đường ác và Biệt ác nghiệp; Bất động nghiệp của nó gọi là Bạch bạch, là Tổng biệt thiện nghiệp của cõi Sắc và cõi Vô sắc; các phước nghiệp của nó gọi là Hắc bạch. Hắc bạch nghiệp, là Tổng nghiệp của trời người cõi Dục, và Biệt thiện nghiệp của Thuận ngũ thú. Thiện bị bất thiện oán ghét, cho nên gọi là Hắc bạch hắc bạch nghiệp, vì chưa đoạn Hắc nghiệp, do phước nghiệp của nó được tên này.

Nếu Hắc nghiệp đã đoạn rồi, thì đó là chủng loại đầu tiên, cũng gọi là Hắc bạch hắc bạch nghiệp. Ba loại của những nghiệp này, Đối Pháp luận ghi: “Hoặc nhân, hoặc quả, đều được tên này”.

Nhân của Hắc hắc vì là nhiễm ô, cho nên quả không thể ưa thích. Nhân Bạch bạch vì không nhiễm ô, cho nên quả có thể ưa thích. Nhân của Hắc bạch hắc bạch là tạp thiện của ác, chỗ tạp quả của quả ác, phước nghiệp quả của cõi Dục quyết định làm Phi phước tạp, cho nên gọi là Hắc bạch hắc bạch, vì tự có Phi phước quả cho nên không làm Phước tạp, cho nên không gọi là Bạch hắc bạch hắc nghiệp. Đối Pháp luận quyển 8 và quyển 66 nói Hắc hắc nghiệp đồng với luận này.

“Bạch bạch nghiệp của các luận kia”, là thiện nghiệp của ba cõi; Hắc bạch hắc bạch nghiệp là tạp nghiệp của ba cõi, không phải một sát-na nghiệp mà thông thiện ác, nhưng dựa vào Ý lạc và do phương tiện, hợp chung nói một nghiệp gọi là Tạp nghiệp, là có nghiệp Ý lạc mà gọi là Hắc, vì có phương tiện mà gọi là Bạch, tức là uốn nắn giả dối các tâm tướng mà tu các thiện. Hoặc có nghiệp Ý lạc gọi là Bạch, phương tiện gọi là Hắc, tức là giáo huấn đệ tử phát khởi ác thân ngữ. Hắc bạch nghiệp này thông với thiện tánh và ác tánh. Luận này dựa vào ba thứ phước nghiệp, phi phước nghiệp và Bất động nghiệp để thuyết minh các nghiệp Hắc hắc... Các luận kia thì dựa vào thiện ác thuần và tạp để thuyết minh các nghiệp Hắc hắc, cho nên không trái nhau. Lại nữa, quyển 66 và Đối Pháp dựa vào Chân thật lý môn, trong luận này thì căn cứ theo Tùy chuyển lý môn. Câu-xá quyển 16 ghi: “Thiện của cõi Sắc và cõi Dục có thể trừ tận ác kia, Vô lậu nên biết như thứ tự gọi là Hắc bạch câu phi”. Nếu nói luận này tùy thuận với tông kia, thì Bạch bạch nghiệp của nó đáng lẽ chỉ có thiện của cõi Sắc, nhưng lý đã không như thế, cho nên cũng như trước đã nói.

“Phi hắc, Phi bạch, Vô dị thực nghiệp khéo đoạn tận các nghiệp”, vì không nhiễm ô cho nên gọi là Phi hắc; vì không phải thiện Hữu lậu cho nên gọi là Phi bạch; vì không chiêu cảm quả Vô phú Vô ký cho nên gọi là Vô dị thực nghiệp; vì có thể đoạn trừ ba nghiệp trước cho nên gọi là khéo đoạn tận các nghiệp. Đối Pháp thì gọi là “Phi hắc bạch Vô Dị thực nghiệp khéo đoạn tận các nghiệp. Luận đó nói “Phi hắc”, là vì lìa phiền não; “Bạch”, là xưa nay thanh tịnh. Để lựa riêng với Bạch thiện nghiệp Hữu lậu trái với sinh tử, cho nên gọi là Vô dị thực, không phải cho tất cả Vô lậu đều là nghiệp này, nói có thể dứt hết các nghiệp, là lấy Đoạn đối trị của ba nghiệp trước, trong Câu-xá luận nói về Thể này rằng:

*Tứ pháp Nhãn Ly dục,
Tám pháp Vô gián câu,
Mười hai Vô lậu Tư,
Chỉ tận thuần Hắc nghiệp.
Lìa Dục, bốn Tĩnh lự,
Vô gián tư thứ chín
Một dứt Hắc tạp thuần,
Bốn khiến tận thuần Bạch.*

Nếu y theo Du-già thì phải nói:

*Thứ tự cõi Dục mười,
Trước chín thuần Hắc bạch,
Sau một thuần Hắc nghiệp,
Trên tám thuần Bạch đoạn.
Chỉ lìa Dục cõi Dục,
Nương Sơ vượt Đệ tam,
Một tận thuần Hắc tạp,
Lìa một trên đều đoạn.
Từ Sơ vượt Đệ tứ,
Tổng nói có mười ác,
Trước chín chỉ đoạn Hắc,
Thứ mười ba đều đoạn.
Bồ-tát thấy có Tư,
Ba Kim Cương đều trừ,
Là nói vô gián đạo,
Du-già hay đoạn nghiệp,
Nếu Gia hạnh Phục Diệt,
Đều trừ thêm Kiến đạo.*

Nếu y theo văn của quyển này, thì trong Kiến đạo của Nhị thừa, một Vô gián đạo và tám Vô gián tư dần dần lìa Dục ở trước, chỉ dứt tận Hắc hắc nghiệp; Vô gián đạo thứ chín song song diệt tận thuần hắc và tạp nghiệp. Lìa bốn Tĩnh lự và bốn Vô sắc, Vô gián đạo thứ chín chỉ diệt tận Bạch bạch nghiệp, đây là nương vào người dần dần chứng đắc quả mà nói.

Nếu nương vào Sơ vị chí định và Sơ định, siêu nhập Kiến đạo mà chứng đắc Quả thứ ba thì một Vô gián đạo lìa thuần hắc và tạp, nếu trước đã lìa các Địa nhiễm cõi trên, nương vào bốn Tĩnh lự mà chứng đắc Quả thứ ba thì một Vô gián tư lìa thuần hắc và tạp, tùy chỗ thích ứng của nó mà gồm chung Bạch bạch nghiệp. Nếu từ Sơ quả mà lấy

quả thứ tư thì tám Vô gián tư ở trước chỉ là Hắc hắc nghiệp, Vô gián tư thứ chín đều là ba nghiệp. Nếu một Vô gián tư trong Kiến đạo của các Bồ-tát chỉ là Tư hắc nghiệp, thì một Vô gián tư của Kim cương dụ định song đoạn ba nghiệp, tất cả ác nghiệp đạo sinh thì liền đoạn, vì tất cả thiện nghiệp là duyên trời buộc, cho nên chủ yếu là nhiệm của Tự địa, khi tận thì tận, cho nên Vô gián tư thứ chín mới nói hết Bạch nghiệp. Từ trên đến đây, chỗ nói đoạn Chung tử Tư nghiệp hữu lậu, nếu chế phục Hiện hành thì chỉ trừ Kiến đạo, không có Vô lậu gia hạnh, chỗ Tu đạo khác đều là thêm Gia hạnh đạo có thể chế phục Hiện hành. Trong đây chỉ nói các Vô lậu nghiệp, vì là đoạn Đối trị của ba nghiệp trước. Giải thoát đạo của Nhị thừa tùy cũng có Đoạn, và Sở tri chướng của Thập địa Bồ-tát, các chỗ đoạn của Đối trị đều là phi nghiệp, đó là lý do không nói, cho nên Đối Pháp luận ghi: “Không phải nghiệp Hắc bạch...”, là các Vô lậu nghiệp trong Gia hạnh và Vô gián đạo, là Đoạn đối trị của các nghiệp kia, luận kia nương vào thù thắng mà kiến lập, không lấy các Thắng tấn đạo khác, đều là nương vào Hạnh riêng, cũng không phải hoàn toàn chế phục các nghiệp phẩm, đó là lý do không nói. Từ trên đến đây, bốn nghiệp tùy chỗ thích ứng của nó, nhiệm tịnh tuy khác, nhưng đều lấy Tư làm Thể. Nếu y theo Đối Pháp luận thì phải nói bài tụng rằng:

*Thứ đệ Dục mười Tư,
Chín đoạn thuần hắc tạp,
Một ba sau đều là,
Trên tám chỉ tự tận.
Nếu siêu chứng thứ ba,
Chỉ một ba đều đoạn,
Từ Sơ lấy Vô học,
Tám trước Bồ-tát kiến.
Chỉ tận thuần hắc tạp,
Kim Cương đều đoạn ba,
Là nói Vô gián đạo,
Đối trị năng đoạn nghiệp.
Nếu Gia hạnh phục diệt,
Trừ Kiến ra, đều có,
Chỉ Gia hạnh vô gián,
Chế phục hết Năng đoạn.
Thắng tấn giải thoát trước,
Không thắng dụng nên trừ,*

*Là nói lìa Phược đoạn,
Không phải nghĩa Bất sinh.*

Nếu y theo Đối Pháp luận nói, thì ba nghiệp trước Nhị thừa lần lượt chứng đắc quả, một Vô gián tư của Kiến đạo, và tám Vô gián tư dần dần lìa Dục trước lìa thuần hắc tạp, vì tạp thông với hai tánh. Vô gián tư thứ chín lìa thuần hắc và tạp, tất cả đều là Bạch bạch nghiệp, lìa Bốn Tịch lự của Sắc và Vô sắc. Vô gián tư thứ chín chỉ lìa Bạch bạch nghiệp, đây là y theo dần dần chứng đắc quả mà nói. Nếu y theo bốn Tịch lự siêu nhập Kiến đạo chứng đắc quả thứ ba, thì một Vô gián tư cũng lìa ba thứ, nếu từ Sơ quả siêu lấy quả thứ tư thì tám Vô gián tư trước, đều là Kiến đạo của Bồ-tát, chỉ lìa thuần hắc và tạp nghiệp. Vô gián tư thứ chín đều là Bồ-tát Kim cương dự định, ba nghiệp đều lìa, đây là nói đoạn Chủng tử. Nếu chế phục Hiện hành, thì chỉ trừ Kiến đạo, còn lại tất cả Vị đều là thêm Gia hạnh đạo, các nghĩa khác đều đồng như trước. Nếu nói các Đoạn lìa Phược... thì nghĩa cũng không nhất định, phải như lý mà suy nghĩ.

Trong năm nghiệp, có hai chữ “lại nữa”, hợp chung có ba nghĩa giải thích:

1. Thiện nghiệp và bất thiện nghiệp của ngoại đạo gọi là quanh co, vì chướng đạo ngay thẳng của Phật pháp.

2. Ngay tại quanh co này gọi là ướ, vì làm ô ướ chánh pháp, ô ướ thân tâm; ngay tại quanh co và ướ này gọi là trước, vì hoen ố các pháp, dơ bản thân tâm, đều thông với tất cả nghiệp thiện và bất thiện, cho nên luận này ghi: “Ngay nơi nghiệp quanh co, cũng gọi là ướ nghiệp, ngay nghiệp quanh co ướ cũng gọi là trước nghiệp,

Nghiệp quanh co thì nói như trên. Ượ nghiệp là Dị sinh của các pháp bên trong. Trong Phật giáo, Vô minh, Tham, Sân, Mạn, Thân kiến, Biên kiến, hợp chung gọi là người Điên đảo kiến; Kiến thủ, Giới thủ gọi là người trụ Tự kiến thủ; Tà kiến gọi là người tà quyết định; Nghi gọi là người do dự giác, tùy chỗ thích ứng của nó, hoặc là làm tương ứng, hoặc làm nhân gần, hoặc làm nhân xa; chỗ khởi hai nghiệp thiện bất thiện gọi là ướ nghiệp, vì làm ô ướ chánh pháp, dơ ướ sâu xa, tức là Dị sinh bên trong, đối với tà môn và chánh môn đều không quyết định. “Lấy Nghi làm đầu gọi là do dự giác”, là chỗ nghiệp thiện bất thiện gọi là Trước nghiệp, vì nhân theo chỗ khởi cực dơ ướ của Nghi, tàn ác nghiệp. Trong ướ ở trước, Nghi nương theo tà định mà khởi, trong ướ này thì Nghi nương theo Bất định mà khởi cho nên thành sai biệt, không phải là khiến cho chướng Phật pháp thì chánh đạo cũng được nhập, cho nên

không nói Di sinh bên trong cũng có nghiệp quanh co.

3. Ba nghiệp này đều từ ngoại đạo dấy khởi, tà giải hạnh phát sinh gọi là quanh co, ngay nghiệp quanh co này chướng công đức Hữu vi mà khởi gọi là uế, chướng chướng công đức Vô vi gọi là trước, đều thông với ba nghiệp thiện bất thiện.

Đối Pháp quyển 8 có hai chữ “lại nữa” để giải thích ba nghiệp trước.

“Lại nữa” thứ nhất: Ba nghiệp chướng nhập đạo gọi là quanh co; có thể ô uế tương tục phát sinh chướng nghiệp gọi là uế; nếu y theo điền đảo kiến của ngoại đạo mà sinh thì gọi là trước. Chỉ có trước nghiệp này xứng với ngoại đạo mà khởi, không nói chỗ khởi của hai nghiệp trước là người nào, cho nên biết lý thông với chỗ khởi của nội đạo và ngoại đạo. Đã không riêng nói tánh, thì biết rõ là thông với thiện ác. Nhưng đồng với “lại nữa” này là không có lỗi. Luận kia lại giải thích rằng: “Biên kiến, Tà kiến, Tát-ca-da kiến, như thứ tự của nó, chỗ phát các nghiệp gọi là quanh co uế trước”. Căn cứ theo luận này thì cũng chỉ có chỗ khởi của ngoại đạo, như vậy ba nghiệp tùy theo phiền não kia mà riêng nói nội đạo và ngoại đạo dấy khởi, không phải mỗi mỗi đều là Thể của Định, nghĩa tuy có khác nhau nhưng không trái nhau, không đồng với nghiệp quanh co uế trước của Tiểu thừa. Y theo Siễm, Sân, Tham sinh khởi trong nghĩa này, tóm lược làm ba loại. Chỗ khởi ba nghiệp của ngoại đạo gọi là quanh co. Di sinh của các pháp bên trong lại có ba: một là Tà định khởi uế nghiệp, hai là Bất định khởi trước nghiệp, ba là Chánh định khởi tịnh nghiệp.

Tất cả Hữu lậu vô lậu Thắng nghiệp của bậc Thánh, gọi là Mâu-ni nghiệp. “Mâu-ni”, nghĩa là Tịch mặc, luận này gọi là Tịch tĩnh, vì chứng lý tịch tĩnh. Nếu y theo Văn tuệ trong Địa của cõi dưới, thì tất cả thân ngữ nghiệp và tâm trong thân của tất cả bậc Thánh làm Thể của ba Tịnh nghiệp. Tâm là ý nghiệp, không đồng với luận này. Luận kia ghi: “Thân của bậc Thánh là Mâu-ni nghiệp, chỉ lấy Vô lậu, Hữu lậu nghiệp gọi là ba Tịnh nghiệp”, không đối với Di sinh để phân rõ sự sai biệt. Hiện tại luận này đối với nội đạo và ngoại đạo của phàm Thánh, thì Thanh tịnh nghiệp chỉ tại Di sinh, tất cả ba nghiệp trong thân của bậc Thánh đều gọi là Mâu-ni nghiệp, quán tương đối khác nhau cho nên cũng không trái nhau. Câu-xá luận ghi: “Thân ngữ nghiệp của Vô học tức là ý, ba Mâu-ni, ba Thanh Tịnh phải biết tức là ba Diệu hạnh.

Trong “tội lỗi của nghiệp thứ chín”, sinh hiện pháp tội là như người có thể tự làm hại, là khởi sát Gia hạnh, sát nghiệp chưa thành,

hiện bị người khác hại, thì tương lai chưa bị thọ, vì chưa thành nghiệp nặng. Lại nữa, như tại Di sinh, trước hết hành sát... nhưng hiện bị người khác hại, sau đó được nhập vào bậc Thánh thì không thọ tội về sau, hoặc chuyển quả sau đối với thân hiện thọ thì sau đó lại càng không thọ, như Ưng-quật-ma-la... cũng gọi là hiện pháp tội, chỉ đồng như trước, có thể tự làm hại, cho nên nói “cũng như”.

Trong “thọ Ưu khổ do thân tâm sinh”, sáu thứ tội lỗi là sáu loại tội trước trong bảy tội lỗi của nghiệp. Đã không thể thành thì không tích chưa ưu khổ, Không gia tăng phước tiện, vì không thành sự. Không thể phân rõ, là không có gì mà không xứng tâm.

“Lại nữa, có mười thứ tội lỗi”, là phạm mười giới của Sa-di, chỗ sinh ưu khổ của giới, là từ chỗ mới bắt đầu phạm, cho nên chỉ nói mười giới, vì không được thọ đầy đủ.

“Có bốn loại bất thiện nghiệp đạo”, tức là bốn chi giới trước trong năm Cận sự giới, là Tánh giới của thân có ba giới, ngữ có một nghiệp đạo. Uống rượu là Giá giới, cho nên luận này nói riêng.

“Xiển-địa-ca” là tên của Cận sự, chữ này không có chỗ dịch, cho nên giữ nguyên âm tiếng Phạm.

Trong “Sinh tạp nhiễm thứ ba” có hai loại: 1. Nêu bốn loại. 2. Tùy giải thích riêng.

“Cõi Dục có ba mươi sáu Xứ”, là Bát hàn, Bát nhiệt... như quyển 4 trước.

Luận nói mười tám Xứ của cõi Sắc cũng vậy, quyển 58 ghi: “Sinh, là cõi Dục có ba mươi sáu Xứ, cõi Sắc có mười tám Xứ và cõi Vô sắc có bốn Xứ”.

“Hắc thắng sinh”, chủng tánh nghiệp ác cho nên gọi là Hắc, có uy thế mạnh cho nên gọi là Thắng, hoặc cùng cực trong Hắc, cho nên gọi là Hắc thắng. “Chiên-trà-la” là giết con. “Bốc-yết-bà”, cũng gọi là Bỏ-yết-bà là người dọn phần ế. “Hoặc các nhà trưởng giả và các nhà đại phú quý”, là những người không phải chủng tộc Sát-đế-lợi, người có các kỹ năng thù thắng, nếu đôn hậu chất trực đáng kính trọng, thì gọi là nhà Trưởng giả. “Phi hắc phi bạch thắng sinh” là Phệ-xá...

Trong “Sinh bất định” có năm thứ:

1. Tự tha lẫn nhau bất định
2. Khổ lạc bất định
3. Xứ xứ bất định
4. Tha thân bất định
5. Dụ thành bất định

Lại nữa, nói: “Ta xem đại địa, không có một chỗ nhỏ nào là khả đắc...”, ý này nói, “Trong đại địa không có một xứ sở nhỏ nào, nhưng mà các ông từ vô thủy đến nay, trong đại địa, mỗi mỗi xứ sở chưa từng thọ vô lượng sinh tử”, ý muốn nói từ vô thủy đến nay trong đại địa đều thọ nhận nghĩa vô lượng sinh tử, thế văn đọc dài thì nghĩa đạo cũng xa.

Lại nữa, nói: “Ta xem thế gian hữu tình không dễ chứng đắc, đem dài lưu chuyển, không làm cha mẹ của các ông...”, không dễ nghĩa là khó, là khó có thể được các hữu tình. “Không làm cha mẹ của các ông”, có nghĩa là tất cả đều đã từng làm cha mẹ, trước nói làm cha mẹ, có nghĩa hỗ tương nhau làm, nghĩa này thì đều là làm cha mẹ, cho nên hai nghĩa khác nhau.

“Quý phạm sư”, là A-giá-lợi-da. “Thân giáo sư”, là Ổ-bà-đà-da, tức là Hoà thượng A-xà-lê. “Quảng bác hiệp sơn”, xưa gọi là Tỳ-phú-la sơn, hình trạng của nó giống như cạnh sườn của Phi thiên.

Trong “Sinh lưu chuyển thứ tư” có bốn loại:

1. Hỏi
 2. Lược đáp
 3. Trình bày lại
 4. Giải thích rộng
- Bài tụng thứ nhất nêu mười môn, sau đó tùy giải thích:
1. Thể
 2. Môn
 3. Nghĩa
 4. Sai biệt
 5. Thứ lớp
 6. Vấn nạn
 7. Giải thích từ ngữ
 8. Duyên tánh
 9. Phân biệt duyên
 10. Nhiếp các kinh

Thể là tổng thuyết minh Thể của Duyên khởi, Phần vị, Sinh dẫn, Nhân quả, Lưu chuyển, Hoàn diệt trong ba đời, không phải hiển riêng mười hai Duyên sinh mỗi mỗi có riêng Thể. Sau mỗi mỗi riêng Thể, đến Sai biệt môn sẽ rộng giải thích, trong văn đó hiển đầy đủ Biệt thể.

Vấn phân làm ba đoạn: một là nêu ba tướng, hai là tùy giải thích riêng, ba là tổng kết.

- Ba tướng:

1. Từ tiền tế và trung tế mà sinh.

2. Từ trung tế và hậu tế mà sinh.

3. Từ trung tế hoặc tiến đến lưu chuyển, hoặc tiến đến Thanh tịnh cứu cánh.

Hai loại trước gọi là Lưu chuyển, một loại sau là Hoàn diệt. “Lưu chuyển”, là thuận với sinh; “Hoàn diệt”, là thuận với diệt. Quá khứ gọi là Tiền tế, hiện tại gọi là Trung tế, vị lai gọi là Hậu tế. Trong hiện tại, nếu không có chán nghịch thì liền tiến đến Lưu chuyển, nếu chán nghịch thì liền tiến vào Thanh tịnh. Thành Duy Thức luận ghi: “Mười nhân hai quả quyết định đồng đời”. Hiện tại luận này nương vào đây mà đối với hai đời mà phân rõ Duyên sinh, tức là luận kia cũng nói bảy loại trước trong Nhân, cùng với Ái, Thủ, Hữu, hoặc khác hoặc đồng. Hoặc hai đời, ba đời, bảy nghiệp, mỗi mỗi đều quyết định là đồng đời, như vậy tức là hiển Duyên sinh của Tam tế, hiện tại luận này chỉ ngăn Duyên khởi định của Tiểu thừa mà lập ba đời, nương vào hai đời mà hiển Phi định chỉ có như thế, quá khứ có bảy, hiện tại có ba, vị lai có hai, làm nghiệp Hậu báo chiêu cảm Dị thực.

- Trong giải thích riêng phân làm hai đoạn:

1. Thuyết minh tướng thứ nhất.

2. Thuyết minh hai tướng sau.

Trong đoạn thứ nhất có ba phần:

1. Thuyết minh Thai sinh.

2. Thuyết minh ba Sinh còn lại.

3. Giải thích sinh xứ của ba nghiệp.

Trong phần một lại có ba đoạn: một là hỏi, hai là đáp, ba là tổng kết. Không hiểu rõ Tiền tế vô minh, là không hiểu rõ Tiền tế thắng nghĩa nên sinh hai thứ Khổ của thế tục, khởi hai thứ ngu. Khổ thế tục là chỉ cho ba đường ác bởi tất cả thế tục đều biết là khổ. Thắng nghĩa khổ, là các hàng trời người. Bạc thù thắng trí thì biết là khổ. Đối Pháp luận quyển 7 ghi: “Mê Thế tục khổ gọi là Dị thực ngu, khởi Phi phước hạnh; mê Thắng nghĩa khổ gọi là Chân thật nghĩa ngu, không phải Bất động hạnh, phần nhiều mê Tiền tế hai Dị thực hiện tại, cho nên nói ngu này không hiểu rõ Tiền tế, đúng lý ra thì ngu này cũng mê Hậu tế, phần nhiều mê nhân hiện tiền cho nên lược bỏ không nói. “Do tùy nghiệp thức này cho đến mạng chung lưu chuyển không dứt”, là năm loại như Thức... làm Tối thắng, Thức làm Báo chủ đều không lia Thức, tổng gọi tên là Thức, hoặc nêu ra Thức mới sinh cho nên chỉ nói là Thức. Các chủng loại Danh ngôn và Tập khí của các loại Thức này, trước tuy đã huân tập nhưng chưa biết chỗ sinh, do nghiệp chiêu cảm tập hợp,

phải đối với quả thiện ác của hai nẻo mà sinh. Thức tùy theo nhân mà chuyển gọi là Tùy nghiệp thức, đã bị huân tập, cho đến thân mạng trước kia khi chết mà không dứt tuyệt, có thể làm nhân tương tục hiện tại của Thức, khi đời hiện tại sắp sinh quả thì không thể tự khởi ác, mà nhờ vào nội ngoại tham ái của quá khứ hiện tiền thấm nhuần làm Trợ bạn mới sinh trong Tiền thân.

“Thọ chi” có hai đoạn:

1. Thọ dị thực thọ, duyên nội thân mà sinh.
2. Thọ cảnh giới thọ, là duyên cảnh giới bên ngoài mà khởi.

Nhân theo hai Thọ này mà sinh Nội ái và Ngoại ái, lấy làm thấm nhuần tùy nghiệp thức nói trên. Nhiếp thức... năm loại, luận này nêu ra Nội ngoại ái cũng nhiếp luôn Thủ chi, hoặc Nội ái gọi là Ái, Ngoại ái gọi là Thủ, có nghĩa là hiển chỗ thấm nhuần Hành... sáu chi. Chuyển biến gọi là Tiền tế hữu, đối với quả hiện thế mà Thức tùy chuyển theo, ngoài ra các Danh sắc... thứ tự được sinh quả tương tục. “Thức cùng với Danh sắc đồng thời, cho đến suy lão...”, là nếu y theo phần vị, thì trước bảy ngày đầu gọi là Thức, trước bốn mươi chín ngày thì gọi là Danh sắc. Luận này nói gốc ngọn các vị rộng hẹp, vì nói tướng y theo nhiếp sáu Xứ, chỉ nói hai vị này cho đến suy lão, không phải không có vị khác.

Lại nữa, trong Sinh chi và Lão chi hiện tại, nhân theo Thức gọi là Thức sắc, sinh và quả hiển lẫn nhau cho nên nói danh của nó, không phải các chi sắc... ở tại đời hiện tại. Trong quyển 93, Thức làm Sở y, là nói Thức, nghiệp cùng với quả Dị thực. Luận này nói Năng y, là nói Danh sắc, nghiệp cùng với quả Dị thực, là Tổng dị thực và Biệt dị thực, vì Năng y và Sở y khác nhau. “Vì phải nương vào lục y mà chuyển”, tức là chỗ nhiếp sáu căn trong Danh sắc. “Do đó kinh nói Danh sắc duyên Thức”, đây là nương vào Bồ-tát nghịch quán Khổ và Tập, đến Thức và Danh sắc thì liền hỗ tương nhau làm duyên, quán Đế đã chu toàn, thì Kiến làm duyên lẫn nhau đã xong, cho nên quán Khổ và Tập cho đến Thức mới thôi, như quyển 93 rộng giải thích. “Tuỳ chỗ thích ứng của nó mà làm Sở y của sáu Thức”, đây không phải chỉ nói chỗ sinh Hiện thức của Thức chủng trong năm chủng. Luận kia chỉ có Thức thứ tám, cho nên quyển 93 và cuối luận này sẽ nói. Tổng nương vào tất cả tương tục làm Danh, là nói thân của sáu Thức, vì có nghĩa hiển tổng quát nói Thân thức trong một thời kỳ, là Danh sắc duyên Thức, do Thức chấp trì, Thức làm Sở y, Thức duyên Danh sắc, dựa vào Danh sắc kia làm chỗ y, hoặc Quán làm Cảnh.

“Hoặc trong Hữu sắc hữu tình tụ là cõi Dục và cõi Sắc lãnh thọ

Hóa sinh, thì các căn quyết định viên mãn mà sinh”, Thành Duy Thức luận ghi: “Hữu sắc hóa sinh khi mới thọ sinh vị, tuy đủ năm căn nhưng chưa có tác dụng, lúc đó chưa gọi là sáu Xứ chi. “Sơ sinh vô sắc”, là tuy có Ý căn, nhưng chưa hiển rõ, chưa gọi là Ý xứ. Trong đây có ý muốn hiển các Hóa sinh kia:

1. Mới sinh sát-na gọi là Thức chi, sau đây tùy chỗ thích ứng mà nói, Ý xứ của năm căn chưa được rõ ràng để gọi là Danh sắc.

2. Sáu căn được rõ ràng cho nên gọi là sáu Xứ.

3. Xúc chi và Thọ chi dần dần sinh trưởng, tuy các căn quyết định viên mãn nhưng sai biệt với các căn trước. Năm chi như Thức... cũng có trước và sau.

Hỏi: Cõi dưới có Hiện sắc, có thể làm Sở y của Thức, không có Sắc thì không có Hiện sắc, thì Thức nương vào Chủng tử Phi sắc phải không?

Đáp: Thức của cõi dưới nương vào Hiện sắc, gọi là Thức duyên sắc mà nương, Thức cõi trên duyên sắc chủng, gọi là Thức nương sắc chủng.

“Lại nữa, do phước nghiệp sinh trời người cõi Dục...”, ba thứ này đều căn cứ theo Dẫn nghiệp mà chứng đắc quả, tức là Thuận sinh thọ nghiệp, chỉ chiêu cảm Dẫn nghiệp thông với Dẫn mãn nghiệp mới gọi là Hành chi. Phát khởi Vô minh này gọi là Vô minh chi. Thấm nhuần Ái thủ này gọi là Ái thủ chi. Chỗ huân tập của nghiệp này gọi là Thức... năm loại, sáu chỗ chuyển này mới gọi là Hữu chi. Hữu này sinh chiêu cảm gọi là sinh Lão chi, tức là hiển tất cả thọ nghiệp thiện tại, riêng trợ cho nghiệp vị lai đều không phải Hành chi, nếu không như thế thì phước nghiệp đáng lẽ sinh năm nẻo, quyển này trước đã có nói. “Phước nghiệp”, là chiêu cảm Dị thực của nẻo thiện trong cõi Dục, và Dị thực thuận năm nẻo, nghĩa này rộng như Thành Duy Thức nói. Do nghiệp này nghiệp kia, Năng phát và Sở phát, Năng tập Sở tập, Năng nhuận và Sở nhuận, Năng sinh và Sở sinh, đều không phải mười hai Duyên khởi chi nhiếp.

- Giải thích hai môn sau lại phân làm hai đoạn:

1. Đặt hai câu hỏi.

2. Tùy theo giải thích.

- Trong giải thích “từ trung tế và hậu tế sinh”, phân làm hai đoạn:

1. Giải thích.

2. Kết.

“Thọ hai thứ nghiệp quả trước”, là Dị thực quả bên trong và Tăng

thượng quả bên ngoài. “Hoặc nghe Phi chánh pháp”, là đời hiện tại. “Hoặc trước kia lo luyện tập”, là đời quá khứ. Hai đời này đều là phân biệt khởi ngu, do mê Nội tự thể hiện tại và Hậu hữu ngu cho nên phát nghiệp; do mê ngoại ngu mà thãm nhuận sinh, đã mê Nội quả hiện tại, cho nên đối với chỗ nghe nói khổ không hiểu biết như thật, vì đây là chỗ tác nghiệp mới. “Nói Thức này tên là Tùy nghiệp thức”, là Chủng tử của Thức đui theo nghiệp, là do Hành mà Thức sinh, chiêu cảm huân tập mà sinh, không phải phân rõ thể sinh, vì Tăng thượng duyên. Nếu ban đầu Thức chỉ chỉ có Thức thứ tám, thì tất cả Thức nương chung một thời kỳ gọi là thông với thân của sáu Thức, liên tụ hội tiền tế Danh sắc, có thể làm Sở y của sáu Thức cũng lại như vậy. Bản thức là dẫn quả, Chủng tử của Danh sắc thì tùy theo, Danh sắc là tổng, Chủng tử của sáu Xứ tùy theo, sáu Xứ làm y, Chủng tử của Xúc tùy theo, Xúc làm Năng sinh, Chủng tử của Thọ tùy theo. Duy Thức và Đối Pháp ghi: “Thức... năm loại này gọi là Sở dẫn, Vô minh và Hành là Năng dẫn. Ngay Năng dẫn và Sở dẫn này đều làm Dẫn nhân, mà dẫn Sinh lão tử, vì thế lực xa thừa, cho nên tuy đều gọi là Dẫn nhân, nhưng Thức... năm loại, cùng với Sinh và Lão tử làm nhân duyên mà sinh. Quyển 93 và trong luận này nói chỉ gọi là Dẫn nhân. Luận nói, do Thức năng dẫn này, cho đến thọ thân một thời kỳ, không phải Vô minh và Hành thì không phải Dẫn nhân nhiếp. Năng dẫn và Sở dẫn, các giáo không đồng nhau. Thành Duy Thức luận ghi: “Du-già nói Thức chỉ là Năng dẫn, nghiệp chủng trong Thức gọi là Thức chi. Tập luận ghi: “Thức chỉ là Năng dẫn, nghiệp chủng trong Thức gọi là Thức chi, Chủng tử của Dị thực thức thuộc Danh sắc”. Kinh Duyên Khởi ghi: “Thức chi thông với Năng dẫn Sở dẫn, Chủng tử của nghiệp chủng thức đều gọi là Thức. Thức là Sở y của Danh sắc, không phải thuộc Danh sắc”, nghĩa là muốn nói Ái, Thủ, Hữu gọi là Năng sinh, Sinh chi và Lão tử chi gọi là Sở sinh. Thành Duy Thức luận ghi: “Thức... năm loại, do nghiệp huân tập và phát khởi, tuy là đồng thời mà nương vào Nhân quả, Chủ bạn, Tổng biệt, Thắng liệt khác nhau. Các Thánh giáo giả mượn mà nói trước hay sau, hoặc nương vào tương lai mà hiện khởi phần vị, vì có thứ tự cho nên nói có trước sau”. Nhân theo đây cũng có trước và sau, các văn nói: “Do Thức này cũng gọi là Hiện hành, khi làm nhân thì quyết định không có nghĩa Hiện hành”. “Do Ái này mà hoặc là phát Dục cầu”, là cầu sinh cõi Dục. “Hoặc phát Hữu cầu”, là cầu sinh cõi Sắc và cõi Vô sắc. Hai thứ mong cầu này là tổng thể, tức là Ái và bốn Thủ làm sau, vì trước hết là phát khởi hai thứ cầu, sau đó là riêng sinh hai Thủ, tức là sau đó mới có.

“Chỗ nhiếp của Sinh nhân”, tức là quả Dị thực sau, đều là phân rõ Thế, Nhân duyên, Nghiệp và Tăng thượng duyên. Hữu chi được riêng gọi là Sinh, không phải Ái chi, Thủ chi, không phải Sinh nhân nhiếp. Đối Pháp và Duy Thức ghi: “Ái, Thủ và Hữu là Cận sinh quả, hợp chung lại gọi là Năng sinh”, cũng không trái nhau. Nhưng Đối Pháp ghi: “Khi làm nhân thì có Năng dẫn Sở dẫn, khi làm quả thì có Năng sinh Sở sinh”, là khi chưa thành thực thì gọi là nhân, không phải không có quả của nhân, đã thành thực thì gọi là quả, không phải không có nhân của quả. Căn cứ theo nghĩa mỗi mỗi đều khác, nhưng cũng không trái nhau.

Hỏi: Năng dẫn và Sở dẫn, cả hai đều là Dẫn nhân, thì Năng sinh Sở sinh đều là Sinh nhân nhiếp phải không?

Đáp: Dẫn mà đồng Thế thì đều là Dẫn nhân, Sinh mà cùng đời khác đời thì là quả không phải nhân.

Hỏi: Sinh khác đời thì quả chẳng phải nhân, khác đời sinh thì nhân không phải quả, có đúng không?

Đáp: Đã thành thực thì gọi là quả, nhân cũng là quả, không chiêu cảm quả thì quả không phải nhân. Trong nghĩa này phải tư duy thêm.

“Các Hành này sinh, hoặc dần dần hoặc nhanh”, là ba chi Tốn-ninh, Noãn sinh và Thấp sinh đều dần dần sinh, Hóa sinh thì nhanh chóng khởi, đã nói như trước.

“Hoặc đối với Sinh xứ thì thứ tự hiện tiền, hoặc Chủng tử sau tùy theo đuổi”, là cõi Hữu sắc sinh lần lượt hiện tiền, cõi Vô sắc sinh thì Sắc chủng tùy theo đuổi.

“Trong Hoàn diệt, đối với các Hành của hai quả”, là hai quả Khổ đế của Lão và Tử. “Nhân kia”, là Tập đế. “Diệt kia”, là Diệt đế. Thú hưởng diệt Hành kia là Đạo đế. Quyển 93 ghi: “Thế Tôn xưa kia khi làm Bồ-tát, bị mẫn hữu tình, quán nhiều duyên khởi, trải qua quán Đế, trước quán hiện tại, Lão tử làm đầu, lấy ba chủng tướng như lý quán sát:

1. Quán tế nhân.
2. Quán thô nhân.
3. Quán phi bất định.

Chiêu cảm sinh nhân duyên cũng gọi là Sinh, nói Ái, Thủ, Hữu tức là quán nhân duyên tế. Thế Sinh nhân của nó cũng gọi là Sinh, nói Sinh chi tức là quán nhân duyên thô. Do có tế sinh mà có Lão tử, cũng quán do thô sinh mà được có Lão tử, Lão tử tương lai do tế sinh làm nhân, vì chưa khởi quả. Hiện pháp Lão tử do thô sinh làm nhân, vì hiện khởi quả, gọi đó là quán sát hai nhân duyên ban đầu”.

Phi bất định, nghĩa là trừ hai thứ Sinh thể là chỗ nhiếp của Sinh xứ kia, ngoài ra đều quyết định không có khả năng cùng với quả Lão tử. Quán sát Tập của Khổ đế như vậy chưa cho làm mừng đủ, mà còn quán sát nhân duyên của Tập sau. Hiện tại Khổ đế, là biến nghịch quán Thọ, Xúc, Lạc xứ, Danh sắc và Thức, đã biết Khổ hiện tại do Tập hiện tại làm nhân, Tập hiện tại cũng do chỗ khởi Thức của Tập trước làm biên tế mà có pháp Khổ hiện tại. Như vậy tổng quán Khổ do Tập phát khởi, Tập do Khổ sinh, không quán trở lại Khổ hiện tại do pháp gì khởi, vì không khác với trước cho nên Bồ-tát đồng Thức mà đi ngược lại, lại thuận quán sát cho đến Lão tử. Khổ Tập đế đó quán sát chu toàn rồi, vì quán Diệt đế bắt đầu từ Lão tử, nghịch thứ tự mà nhập cho đến Vô minh. Quán khổ hiện tại tại sao tất cả đều phải diệt tận, là không tạo tác, Vô minh làm duyên mà nghiệp mới hiện hành. Như vậy trải qua quán ba Thánh đế rồi, tiếp theo là tìm cầu diệt Thánh đế này, đạo nào hạnh nào mới có thể chứng đắc? Khởi Túc trụ niệm, nhớ lại khi xưa chỗ tu chánh kiến của thế gian khiến cho hiện tiền, trải qua quán các Đế, mà lấy chánh kiến trong chánh đạo được nhập hiện quán, dần dần chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, tức là quán hạnh bốn Đế trong đây. Quán lý duyên khởi được tri kiến thanh tịnh của Học và Vô học, quyển 10 sau đây cũng có hỏi đáp này, giải thích quán Hắc bạch phẩm nguyên nhân dài ngắn bất đồng. Lại có giải thích rằng: “Đối với các Hành của hai quả, là hai chi Sinh và Lão tử”. Nhân quả thô của các Hành, cả hai hợp chung lại nói. Tổng quán hiện tại tất cả Khổ đế, tuy có giải thích này, nhưng đoạn Hành thì khó hiểu, nên trước có nói là “thiện”.

“Đối với Sở duyên kia, không như thật biết chỗ sinh thọ của Vô minh và Xúc cũng sau đó vĩnh viễn đoạn”, là chỗ sinh các Thọ của Hữu lậu xúc. Khi thọ hai quả thì đối với Cảnh sở duyên không biết như thật, do đây làm duyên phát khởi phiền não, phát nghiệp nhuận sinh. Do đoạn Thọ này, vì không có Sở y cho nên Vô minh cũng diệt, Sở duyên không tăng, chứng Vô lậu tuệ, gọi là Tuệ giải thoát. Do Thọ đoạn cho nên không sinh Tham ái, tướng này ứng hợp với tâm, là tướng ứng phược mà chứng tâm giải thoát.

“Dần dần cho đến Di thực sinh thì Xúc diệt, cho nên Di thực sinh thì Thọ diệt”, văn từ đây trở lên, thuyết minh do Vô minh diệt cho nên quả tương lai diệt. “Trong hiện pháp, Vô minh diệt cho nên Vô minh và Xúc diệt”, sau đây là thuyết minh do Vô minh diệt cho nên hiện tại thuận Vô minh, Xúc, Thọ... diệt. Sáu Xứ... đã có, không phải do Vô minh hiện tại mà có, không nói Vô minh diệt thì hiện sáu Xứ... diệt; Xúc,

Thọ... của nó tùy Vô minh mà sinh, chỉ nói tùy Vô minh kia mà diệt, do Sở y này diệt, cho nên Thọ năng y... cũng đều diệt theo. “Thọ hàng hữu, Thọ lia trói buộc, Thọ không phải có trói buộc”, là các Thọ hữu lậu, lia phiền não tăng trói buộc và Thọ vô lậu gọi là Thọ lia trói buộc. “Không phải tất cả đều là vô lậu thọ, Phạm hạnh đã lập”, là Diệt đế trí và Đạo đế viên mãn cứu cánh Niết-bàn. “Đối với Diệt đế mãn mà hiển người cầu Niết-bàn”, là đối với chỗ chứng đắc Diệt đế mãn túc của Phật.

- Trong môn thứ hai có tám loại. Đối Pháp luận ghi:

1. Thức sinh, thì Nhân sắc làm duyên mà Nhân thức được sinh.
2. Lúa mạ bên ngoài thành thực, là hạt giống duyên mầm, mầm duyên thân cây.
3. Hữu tình thế gian tử sinh, là Vô minh làm duyên có thể sinh hành...
4. Khí thế gian thành hoại, là sức tăng thượng Cộng nghiệp của tất cả hữu tình làm duyên mà đại địa sinh khởi.
5. Thực (ăn) nhậm trì, là bốn cách ăn làm duyên mà hữu tình ba cõi trụ tương tục.
6. Sức tăng thượng của nghiệp sở tạo chính mình, tùy chỗ chứng đắc quả Ái, Phi ái của nghiệp, là diệu hạnh và ác hạnh làm duyên, vì tiến đến nẻo thiện và nẻo ác.
7. Uy thế, là nội chứng làm duyên, vì công đức tối thắng của thần thông.
8. Thanh tịnh, là thiện của Thuận giải thoát phần làm duyên, lần lượt cho đến chứng đắc quả A-la-hán.

Kinh Duyên Khởi quyển hạ cũng giải thích tám môn này, nhưng luận này thứ tự không đồng với Đối Pháp, cho nên quyển 10 sau thuyết minh mười hai chi này có bao nhiêu môn nhiếp. Hiện tại nhân theo duyên khởi mà giải thích khắp các duyên, cho nên hiện tại trình bày hiển thị, đến quyển Trung sau sẽ nói rộng.

Trong nghĩa của Duyên khởi thứ ba có hai đoạn:

1. Có tám nghĩa giải thích Duyên khởi.
2. Hỏi đáp phân rõ.

Đối Pháp luận và kinh Duyên Khởi mỗi mỗi đều có mười một nghĩa giải thích. Đối Pháp luận ghi:

1. Nghĩa lia hữu tình, vì không có ngã tự nhiên, đây là phá Thắng luận của Độc Tử bộ... Ngã làm tác giả, vì lia hữu tình kia.
2. Nghĩa Vô thường, vì không phải thường hằng, đây là phá tự tánh thường trụ làm gốc của vạn vật, làm duyên thành vật của Số luận,

cho nên hiển Vô thường, cũng phá mười hai Duyên sinh là pháp Vô vi... của Đại Chúng bộ, Hóa Tha bộ...

3. Nghĩa tạm trụ, là khi đã có thì sinh qua rồi, không có tạm trụ, Đối Pháp luận cũng làm nghĩa sát-na, đây là phá Sắc, mạng căn... các pháp duyên sinh một thời kỳ có bốn tướng của Chánh Lượng bộ, vì không phải sát-na.

4. Nghĩa Y tha khởi, là vì dựa vào nhiều duyên mà sinh, đây là phá pháp tự nhiên mà có của Tự nhiên ngoại đạo, vì không phải mượn nhân mà sinh cho nên là Y tha khởi.

5. Là tác dụng, là vì nhiều duyên tác dụng trống rỗng, đây là phá có thật tác dụng làm duyên sinh Thể của Tát-bà-đa, là hiển công năng không có tác dụng.

6. Nghĩa Nhân quả tương tục không gián đoạn, là nhân sát-na diệt, quả sát-na sinh, vì có thời gian phương phân... cho nên nhân quả nối nhau, đây là phá nhân quả không tương tục của Đoạn kiến nghiệp đạo, cũng ngăn các sư Kinh bộ, không có đời quá khứ và vị lai, nhân quả Di thực vẫn không đồng thời, vì nhân của quả bị đoạn dứt.

7. Nghĩa Nhân quả tương tự chuyển, là không theo tất cả, vì tất cả sinh cho nên nhân quả tương tự, đây là ngăn hại làm chánh pháp, chấp giết hại trâu dê... làm nhân rồi sau đó sinh Thiên, tức là các thiện quả lấy bất thiện làm nhân, vì nhân quả không tương tự, đây là nêu bày thiện nhân đắc thiện Di thực. Ác nhân cũng vậy, vì nhân quả tương tự.

8. Nghĩa Tự nghiệp sở tác, là đối với các tương tục khác không thọ quả, vì tự nghiệp tự thọ, đây là phá các Không kiến luận của vô nhân quả không phải nghiệp khởi, cũng phá nghĩa Tha tác ngã thọ quả, là kế chấp nhân không bình đẳng của các luận”.

Đối Pháp luận và kinh Duyên Khởi đều tự giải thích rộng, sợ dài dòng nên không nói hết ra đây.

“Để hiển nghĩa chỗ nhiếp nhiễm ô và thanh tịnh của nhân duyên”, cuối quyển 10 ghi: “Trong mười hai chi, có bốn chi chỉ có tạp nhiễm, ngoài ra đều thông với thanh tịnh, bốn chi tạp nhiễm đó phát nguyện quyển thuộc của thiện nghiệp thanh tịnh, cho nên cũng gọi là Thanh tịnh. Có ý muốn hiển Ái đạo duyên sinh phẩm gọi là Thanh tịnh, không phải Ái đạo duyên sinh phẩm gọi là Nhiễm ô. Hiển Nhiễm tịnh duyên sinh của nhân duyên này, cho nên lập Duyên khởi, đây là phân rõ ý của thuyết Duyên khởi, cho nên nhân theo giải thích nghĩa mà phá tông khác để hiển ý lý của tự mình.

Trong Sai biệt thứ tư, mười hai chi sai biệt làm mười hai nhân để

giải thích các pháp kia. Giải thích rộng khắp tất cả pháp kia một thời kỳ trong thân, không phải chỗ phân rõ tất cả thể tánh trong pháp này đều là Duyên khởi chi.

- Trong giải thích Vô minh có bốn loại:

1. Mười chín loại.
2. Bảy loại.
3. Năm loại.
4. Sáu loại.

- Trong mười chín loại có ba đoạn:

1. Chỉ kinh.
2. Biệt hiển.
3. Kết số.

- Biệt thích bảy loại:

1. Đời.
2. Sự.
3. Nghiệp báo.
4. Tam bảo.
5. Bốn Đệ.
6. Nhân quả.
7. Sở chứng.

Trong nhân, “hoặc kế chấp tự tại thể tánh sĩ phu trung gian...”, là Tự tại thiên, Minh tánh, Sĩ phu, Thần ngã, Phạm vương, vì ở vào trung gian Thiên cho nên gọi là Trung gian, như thứ tự mà phối hợp giải thích.

“Vô tội, Hữu tội, Ứng tu, Bất ứng tu”, là giải thích tản mác đối với Thể của nhân thiện ác. “Hắc bạch tạp”, là giải thích Thể của quả, vì quả có hai phần Hắc bạch cho nên gọi là Hữu phần. Trong mười chín loại này, có thông với Câu sinh, hoặc Phân biệt khởi. Thể sự nghiệp quả... thông với hai môn.

Trong bảy Vô tri nghiệp mười chín loại, “nghiệp Di thực vô tri nghiệp Di chuyển”, là nghiệp có thể chiêu cảm quả, do mê mà không biết, chấp nhân không bình đẳng, cho nên gọi là Di chuyển, hoặc tánh của nhân quả thiện ác bất định, đối với tánh này mà sinh ngu cho nên gọi là Di chuyển. “Nhiễm tịnh ngu”, là chỗ nhân quả của ngu thông với thiện và ác.

Trong năm loại nghiệp mười chín loại, Kiến ngu nghiệp tám loại, là thể sự mỗi mỗi có ba loại, phân rõ nhân quả suy cầu gọi là Kiến. Thể không phải Vô minh, Nghi và Tuệ đồng thời cho nên gọi là Kiến ngu.

Phóng dật ngu nhiếp ba loại, vì không biết nghiệp quả cho nên sinh phóng dật. Chân thật nghĩa ngu nhiếp bảy loại, Tăng thượng mạn nhiếp một loại, Nghĩa ngu nhiếp mười chín loại. Mê nghĩa lý và cảnh đều gọi là nghĩa Ngu.

Trong sáu Vô tri có hai loại:

1. Hiện sáu Vô tri và bảy Vô tri nhiếp nhau.

2. Nướng vào Năng trị và Tự tánh, phân rõ sáu sai biệt.

“Y theo sở trị sai biệt của Văn tư Tu mà nói ba loại trước”, là do Văn mà biết pháp, Sở trị của nó gọi là Vô tri; do Tu cho nên suy tìm, Sở trị của nó gọi là Vô kiến; nướng vào Tu cho nên chứng rõ, Sở trị của nó gọi là Vô hiện quán, do đó nói Sở trị sai biệt mà thuyết ba loại này.

Trong phần Nhuyễn, ba tự tánh trên sai biệt cho nên nói hắc ám, ngu si, vô minh. Hắc ám trong đây là nói chung tất cả Vô tri. Làm Thế của chi nghĩa là Thành Duy Thức luận ghi: “Chỉ lấy năng phát”. Ngay khi chiêu cảm nghiệp thiện ác của đời sau, kinh Thắng Man ghi: “Có năm Trụ địa là Kiến nhất xứ trụ địa, Dục ái trụ địa, Sắc ái trụ địa, Hữu ái trụ địa, và Vô minh trụ địa”. Bốn Trụ địa trước là Phiền não chướng, một Trụ địa sau là Sở trị chướng. Sau đó kinh tự thuyết về Vô minh trụ địa, là chỗ không thể đoạn của Thanh văn và Bích-chi-phật, vì chỉ có trí Bồ-đề của Như Lai Phật mới có thể đoạn, do đó quyết định biết là Sở trị chướng. Duy Thức quyển 9 nói không đồng với kinh này.

Trong Phiền não chướng có bốn loại, loại thứ nhất là Kiến đạo đoạn, ba loại sau Tu đạo đoạn. Đối Pháp luận ghi: “Phát nghiệp vô minh có hai loại:

1. Chân thật nghĩa ngu, phát phước hạnh và bất động hạnh.

2. Dị thực ngu, phát phi phước hạnh”.

Hai loại này đều chỉ là chỗ đoạn của Kiến đạo. Kinh Duyên Khởi ghi: “Các bậc Thánh hữu học đã đoạn vĩnh viễn Bất cộng vô minh, không tạo nghiệp mới”. Duy Thức cũng ghi: “Chánh phát nghiệp, chỉ có Kiến sở đoạn. Trợ, là bất định cho nên chỉ lấy tất cả vô minh trong một Trụ địa của Kiến kia”. Nhưng điều này lại có ba loại:

1. Chỉ phát tổng nghiệp.

2. Chỉ phát biệt nghiệp.

3. Phát chung hai nghiệp.

Luận này lấy Vô minh nghiệp thứ nhất và thứ ba, cho nên nói: “Chỉ lấy chánh phát nghiệp để chiêu cảm nghiệp thiện ác của đời sau”, nhưng phát nghiệp này lại có bốn loại là Tương ưng, Bất cộng, Triền và Tùy miên, đều có thể phát nghiệp. Nội đạo, Nghiệp đạo, Dị sinh, Phóng

dật, Bất phóng dật, tùy chỗ thích ứng của nó dùng bốn Vô minh để phát nghiệp đều khác nhau, như kinh Duyên Khởi tự nói rộng.

Trong đó nói Hành thông với thân ngữ ý, chỉ có Chủng tử hiện hành của thiện bất thiện là giả sắc, và Tư lấy làm tự tánh. Điều này cũng có ba loại:

1. Hoặc thông với quả cho nên làm Hành chi, cũng chỉ chiêu cảm tổng nghiệp và câu nghiệp. Thành Duy Thức luận ghi: “Ngay chỗ phát kia mà gọi là Hành, do đây mà tất cả thuận hiện thọ nghiệp, trợ riêng cho nghiệp tương lai đều không phải Hành chi”.

2. Là Hành do vô minh trước phát mới trở thành Hành, sắc của thân ngữ nghiệp gọi là Giả sắc, nương vào Chủng tử Hiện hành của Tư mà lập.

3. Ý nghiệp chỉ có Tư, thành Thể của Hành chi. Căn cứ theo tất cả thiện ác của năm Thức này, đã không phải Hành chi, thì biết rõ không thể chiêu cảm đối với Tổng báo.

Trong Thức chi, thuyết minh sáu Thức, luận trước tự hiểu, nương chung sáu Thức thân trong một thời kỳ để nói, không phải chánh là Thức chi. Thành Duy Thức luận ghi: “Trong đây Thức chủng là nhân của Bản thức, cho nên chỉ lấy chỗ huân tập Chủng tử thức thứ tám tương lai của Hành gọi là Thức chi”, vì mới kết sinh tổng Dị thực, không nói thức khác làm thể của Thức chi, Thức này chỉ có Chủng tử, không lấy Hiện hành. Trong đây nói chỗ sinh quả Thức của Chủng tử làm Thể của Thức chi. Kinh Thập Địa ghi: “Nếu như Vô minh có khi làm Chủng tử, có khi làm quả, thì Thức... cũng đều như vậy”. Duy Thức hội ghi: “Hoặc theo tương lai mà nói thì có Hiện hành, khi làm nhân thì quyết định không có nghĩa Hiện hành, là Thức và Danh sắc ban đầu nhập thai mẹ lẫn nhau làm duyên, nhưng theo khi đang khởi thì không phải là Chánh Chủng tử.

Trong Danh sắc, một giải thích tên của bốn Uẩn, hai giải thích Sắc của Sắc uẩn.

“Cõi Dục có đủ mười giới và Giả sắc mà pháp xứ nhiếp”, nghĩa là Thật sắc của pháp xứ, là thắng định quả, cõi Dục không có Định cho nên nói là không có, phần nhiều có Giả sắc cho nên để lựa riêng với các cõi trên. Giả và Thật thông với có, nhưng không phải tất cả, vì không có Bất luật nghi và Biệt giải thoát; gương và hình, nước và trăng cũng không có.

Trong Giả của cõi dưới, tuy không có Sắc của Định cộng giới và Đạo cộng giới, luật nghi bất luật nghi và các Dị loại đều có, cho nên

không lựa riêng; cõi trên chỉ có luật nghi, vì hiển không có Bất luật nghi, cho nên nói “Không phải tất cả”. Trong đây nói chung Chủng tử Hiện hành, bốn chi Danh sắc... trong tương lai và hiện tại không phải Thể của Thật chi. Thành Duy Thức luận ghi: “Trừ ra ba nhân sau, còn lại các nhân khác đều là Chủng tử của Danh sắc nhiếp. Ba nhân sau, như thứ tự của tên ngay ba loại sau, đây là nói năm chi không phải Tạp thể tánh, sáu căn chủng của Dị thực gọi là sáu Xứ. Chủng tử Xúc Thọ của Dị thực, gọi là Xúc chi và Thọ chi. Trừ Chủng tử của Bản thức và ba loại sau, các Uẩn và Dị thực chủng khác đều là Danh sắc chi. Kinh ghi: “Danh là bốn Uẩn phi sắc, Sắc là Yết-la-lam”. Đây là nương vào Tạp thể, không phải nói Biệt thể, nếu không như thế thì làm sao được thành năm Uẩn! Hoặc cùng nương năm Uẩn danh sắc của Phi dị thực mà nói thức mới sinh lại hỗ tương làm duyên, vì tên của Thức thứ bảy... gọi là ở trong Thức. Nếu Tạp thể như Duy Thức luận ghi: “Hoặc Danh sắc chủng tổng nhiếp năm nhân, trong đó tùy thù thắng mà lập bốn loại khác. Sáu Xứ cùng với Thức, tổng và biệt cũng vậy”. Đây đủ như trong Duy Thức sơ kia giải thích. Thức này chỉ có Chủng tử. Nói Hiện hành, là căn cứ theo Thức chi. Đối Pháp luận quyển 1 ghi: “Nhân xứ, là nhân đã từng hiện thấy Sắc”, không nói đang thấy, hiện tại luận này căn cứ theo Thật. Xứ thông ba đời, Đối Pháp luận thì nương vào nghĩa tăng trưởng của Xứ mà chỉ nói đời quá khứ và hiện tại, vì sáu hạnh của vị lai thù thắng, cũng không trái nhau.

“Thọ chỉ có Xả thọ, kiêm gồm Khổ lạc”, vì một nghiệp thông với chiêu cảm chung với quả tổng và biệt, cũng nương vào chỗ có Thọ của một thời kỳ mà nói, nếu không như thế thì chỉ nên nói Xả thọ chi, là vì tổng báo làm chủ.
